

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

ĐỖ HOÀI NAM

LTS. Ngày 26 tháng 12 năm 2003, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia (nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam) đã long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập. Tạp chí Dân tộc học xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu của GS.TS. Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam tại buổi lễ trọng thể đó.

Kính th- a các vị khách quý

Th- a các đồng chí và các bạn

Cách đây 50 năm, ngày 2 tháng 12 năm 1953, Tổng Bí thư Tr- ờng Chinh đã kí Quyết định số 34 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung - ơng Đảng Lao động Việt Nam về việc thành lập *Ban nghiên cứu lịch sử, địa lí, văn học*, sau này gọi tắt là *Ban Văn- Sử - Địa*, tổ chức tiền thân của *Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia* hiện nay. Đến tháng 4- 1959, Ban Văn – Sử - Địa đ- ợc chuyển thành *Ban Khoa học Xã hội* thuộc Ủy ban khoa học Nhà n- ớc để thành lập *Viện Khoa học xã hội*. Năm 1967, Viện Khoa học xã hội đổi tên thành *Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam*, đến tháng 3/1990 đ- ợc đổi tên là *Viện Khoa học Xã hội Việt Nam* và tháng 5-1993 đ- ợc đổi thành *Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia*.

Khi mới thành lập, *Ban Văn-Sử - Địa* có 10 cán bộ do đồng chí Trần Huy Liệu làm Tr- ờng ban, trong đó có 6 cán bộ nghiên cứu là Trần Huy Liệu, Tôn Quang Phiệt, Hoài Thanh, Minh Tranh, Vũ Ngọc Phan và Trần Đức Thảo. Đến tháng 12 năm 1958, số cán bộ tăng lên 40 ng- ời, trong đó có 30 cán bộ nghiên cứu. Đến nay, Trung tâm có 1.380 cán bộ, viên chức, trong đó có 543 cán bộ là GS, PGS, TSKH, và ThS.

Về mặt tổ chức, nếu năm 1960 chỉ có 3 đơn vị là Viện Văn học, Viện Sử học, Viện Kinh tế học và năm 1962 có thêm Viện Triết học thì đến năm 1967, khi thành lập Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, còn có Viện Luật học, Th- viện Khoa học Xã hội và Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Trong những năm tiếp theo đã lần l- ợt thành lập Viện Ngôn ngữ học, Viện Dân tộc học, Viện Khảo cổ học, Viện Thông tin khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Xã hội học, Viện Kinh tế Thế giới, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Trung tâm nghiên cứu khoa học về Gia đình và Phụ nữ, Trung tâm nghiên cứu Địa lí nhân văn, Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian, Viện Tâm lí học, Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản, Trung tâm nghiên cứu Châu Âu, Trung tâm nghiên cứu Bắc Mỹ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Viện Nghiên cứu Con ng- ời. Đến nay Trung tâm KHXH&NVQG có 26 đơn vị nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu trực thuộc, 4 cơ quan chức năng. Ngoài ra Trung tâm còn có 15 cơ sở đào tạo sau đại học, 30 tạp chí khoa học, trong đó có 6 tạp chí bằng tiếng Anh.

Các kết quả nghiên cứu trong 50 năm qua của Trung tâm đã được công bố trong hàng vạn chuyên luận trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước và khoảng 6.800 đầu sách. Hôm nay, tôi xin phép *chỉ trình bày rất vắn tắt về kết quả hoạt động của Trung tâm trong một số lĩnh vực nhất định.*

Sau hơn 5 năm hoạt động, Ban Văn – Sử – Địa đã nghiên cứu, biên soạn và xuất bản được 36 đầu sách, trong đó có những công trình sau này được *Giải thưởng Hồ Chí Minh* như *Lịch sử 80 năm chống Pháp* của Trần Huy Liệu, *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản* của Nguyễn Khánh Toàn, *Giai cấp công nhân Việt Nam* của Trần Văn Giàu, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* của Nguyễn Đông Chi, *Truyện cổ Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan, *Lịch sử cổ đại Việt Nam* và *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX* của Đào Duy Anh, v.v... Ngoài ra, còn dịch ra tiếng Việt và xuất bản những bộ sách của cha ông để lại như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục tiền biên và chính biên*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, v.v...

Trong những năm 60 – 70, Viện Khảo cổ học, Viện Sử học cùng các nhà dân tộc học, ngôn ngữ học, nghiên cứu văn hoá dân gian... đã hợp tác với khoa Sử ở các Trường Đại học và ngành bảo tàng Bộ Văn hoá nghiên cứu về *Thời đại Hùng Vương*. Các báo cáo khai quật khảo cổ học về các di chỉ Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn, v.v. cùng các công trình nghiên cứu về Thời đại Hùng Vương, đặc biệt là

kết quả của 4 cuộc Hội thảo lớn về Hùng Vương dựng nước do Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì tổ chức từ năm 1968 đến năm 1971 đã cung cấp các bằng chứng và luận cứ thuyết phục chứng minh rằng *Thời đại Hùng Vương và An Dương Vương là thời đại có thực* trong lịch sử Việt Nam.

Sự hình thành dân tộc Việt Nam có liên quan đến vấn đề *các tộc ng-ời cư trú trên dải đất Việt Nam tạo thành cộng đồng dân tộc Việt Nam*. Khác với nhiều nước trên thế giới coi lãnh thổ, đặc điểm kinh tế, đặc điểm tâm lý, phong tục tập quán là những tiêu chí xác định tộc ng-ời, ở Việt Nam, do hoàn cảnh lịch sử và quá trình tộc ng-ời, các nhà dân tộc học thống nhất chỉ có 3 tiêu chí để xác định là *ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác tộc ng-ời*. Vận dụng ba tiêu chí trên, *Danh mục thành phần dân tộc Việt Nam* gồm 54 dân tộc do Viện Dân tộc học xây dựng đã được Nhà nước công nhận và được Tổng cục thống kê chính thức công bố ngày 2/3/1979. Kết quả này đã phục vụ đắc lực cho 3 cuộc tổng điều tra dân số năm 1979, 1989 và 1999.

Trong lĩnh vực văn học, Viện Văn học đã tập trung dựng lại gương mặt 5 thế kỷ văn học Lý – Trần, một thời kỳ văn học phát triển rực rỡ gắn với kỷ nguyên độc lập tự chủ của dân tộc sau 10 thế kỷ Bắc thuộc. Bộ *Thơ văn Lý – Trần* đồ sộ gồm 3 tập, 4 quyển là thành quả lao động trong suốt 30 năm của vài ba thế hệ học giả. Hiện nay, Viện đang tổ chức biên soạn bộ *Lịch sử văn học Việt Nam* từ thế kỷ X đến thế kỷ XX, gồm 10 tập.

Một đóng góp quan trọng khác của Viện Văn học là đã tổ chức dịch và xuất bản tác phẩm *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh ngay sau khi nhận đ- ọc văn bản *Ngục trung nhật kí* từ Viện Bảo tàng cách mạng vào giữa năm 1959. Chính *Nhật kí trong tù* đã trở thành một trong những căn cứ quan trọng để 30 năm sau kể từ khi sách đ- ọc xuất bản, UNESCO đã tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là *Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá lớn*.

Các thành tựu nghiên cứu trong lĩnh vực văn hoá dân gian đ- ọc thể hiện trong hàng loạt công trình, trong đó có một số công trình sau này đ- ọc *Giải th- ởng Hồ Chí Minh* nh- các công trình *Văn học dân gian* và *Trên đ- ởng tìm hiểu văn hoá dân gian* của Đinh Gia Khánh, *Ng- ời anh hùng làng Dóng* và *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam* của Cao Huy Đình – là những công trình nền tảng của khoa nghiên cứu văn hoá dân gian Việt Nam. Một số công trình thuộc các lĩnh vực Sử học, Văn học, Hán Nôm, Triết học... đ- ọc công bố trong những năm 60 –80 sau này cũng đ- ọc *Giải th- ởng Hồ Chí Minh* nh- *Hùng V- ơng dựng n- ớc* của Phạm Huy Thông, *Nghiên cứu văn học Việt Nam và văn học thế giới* của Đặng Thai Mai, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm Việt Nam* của Trần Văn Giáp, *Anh hùng và nghệ sĩ*, *Góp phần tìm hiểu cách mạng t- t- ởng và văn hoá* của Vũ Khiêu, v.v....

Đặc biệt, trong 4 công trình trong điểm đ- ọc thực hiện từ đầu những năm 60, cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* xuất bản năm 1983 đ- ọc giới ngôn ngữ học coi là cuốn ngữ pháp tiếng Việt phổ thông tốt nhất, góp phần vào việc chuẩn hoá và giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt. Còn *Từ điển*

tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên) đ- ọc xuất bản năm 1988, đã tái bản tới 8 lần và đ- ọc đánh giá là cuốn từ điển có uy tín nhất trong giai đoạn hiện nay. Ngoài ra còn phải kể đến việc hoàn thành công trình *Địa lí Việt Nam* đ- ọc khởi thảo từ thời Ban Văn – Sử - Địa.

Giai đoạn từ 1960 đến tr- ớc năm 1975, đất n- ớc còn bị chia cắt, n- ớc ta phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến l- ọc: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất n- ớc. Để phục vụ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, Viện Triết học, Viện Kinh tế học đã tập trung nghiên cứu các vấn đề cải tạo XHCN, hợp tác hoá và phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp hoá XHCN.

Tiêu biểu cho những công trình nghiên cứu về những vấn đề kể trên là loạt bài viết về “*B- ớc đi của công nghiệp hoá*” của Trần Ph- ơng đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*. Loạt bài viết này đã phân tích những điều kiện kinh tế khách quan của công nghiệp hoá, xác định b- ớc đi của quá trình này ở Việt Nam. Nhiều luận điểm đ- ọc nêu trong công trình đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho đ- ờng lối phát triển kinh tế nói chung, công nghiệp hoá nói riêng của Đảng ta ở thời kì này.

Góp phần vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu n- ớc thời kì những năm 60-70, các cán bộ của Trung tâm, đặc biệt là cán bộ của các Viện Triết học, Luật học, Kinh tế học, Văn học, Sử học... đã có nhiều công trình phê phán các trào l- u triết học phản động chủ yếu ở miền Nam Việt Nam, đặc biệt là chủ nghĩa nhân vị

và chủ nghĩa hiện sinh, hệ thống và chính trị của chủ nghĩa thực dân mới, lên án tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, nghiên cứu về vai trò của giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức miền Nam trong công cuộc kháng chiến cứu nước, hoàn thành các công trình như: *Các tổ hợp công nghiệp quân sự Mỹ với cuộc chiến tranh Việt Nam, Những ảnh hưởng về mặt kinh tế của chính quyền Ngô trong công trình Việt Nam hoá chiến tranh, v.v.* Đặc biệt, cuốn *Chiến tranh Việt Nam và kinh tế Mỹ* của Đào Văn Tập đã luận giải có cơ sở khoa học về khả năng chịu đựng có hạn của nền kinh tế Mỹ trong việc mở rộng chiến tranh ở Việt Nam, góp phần vào việc xây dựng chiến lược đối ngoại của Đảng ta và nâng cao quyết tâm chính trị đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi.

Sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, Nam Bộ và Tây Nguyên trở thành đối tượng nghiên cứu chủ yếu của Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay sau khi được thành lập vào năm 1975, Viện đã phối hợp với nhiều Viện thuộc Trung tâm triển khai 5 công trình nghiên cứu, đó là các công trình *Khắc phục hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới, Sự biến đổi kinh tế – xã hội ở các tỉnh phía Nam, Các dân tộc ít người trong tiến trình đi lên CNXH, Tình hình và xu hướng chính trị của các tôn giáo, Lịch sử và Văn hoá ở các tỉnh phía Nam trong mối quan hệ với các nước đi lên CNXH.*

Trong các năm 1993 – 1999, Thủ tướng Võ Văn Kiệt giao Viện Khảo cổ học triển khai công trình khảo cổ học Trùng Sa, Tây Nguyên và Nam Bộ. Qua

hàng chục cuộc khai quật quy mô, công trình đã thu hút được hàng vạn hiện vật là bằng chứng xác đáng khẳng định chủ quyền lãnh hải và lãnh thổ của Việt Nam.

Để góp phần gìn giữ di sản văn hoá của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, trong những năm gần đây, Viện Văn hoá dân gian đã sưu tầm được nhiều bộ sử thi lớn của các dân tộc Ê-đê, Mnông, Gia-rai, Xơ-đăng. Đồng thời, Viện Văn hoá dân gian còn phối hợp với Nhà xuất bản KHXH đã hoàn thành việc biên soạn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* gồm 19 tập (hiện đã xuất bản được 8 tập). Một số bộ sách công cụ lớn, trong đó có *Kho tàng ca dao người Việt* (Nguyễn Xuân Kính và Phan Đăng Nhật chủ biên) gồm 2 tập, 3.080 trang và *Kho tàng tục ngữ người Việt* (Nguyễn Xuân Kính chủ biên) gồm 2 tập, 3.292 trang đã được xuất bản.

Từ kết quả thực hiện đề tài cấp bộ *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*, Viện Dân tộc học, năm 1998 đã đưa ra lời cảnh báo *“Nếu không kịp thời có giải pháp khắc phục những khiếm khuyết của quá trình khai thác và sử dụng đất đai thì “vấn đề dân tộc” sẽ rất có thể phát sinh trong thực tế nay mai ở Tây Nguyên”*⁽¹⁾.

Đối với sự chủ trì của Trung tâm, bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* gồm 42 tập đã được xuất bản trọn bộ vào năm 2000 và được bình chọn là một trong 10 sự kiện văn hoá nổi bật trong năm.

¹. Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng. *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 2000, trang 173 (công trình đã được nghiệm thu chính thức từ năm 1998 và được xuất bản vào tháng 9 năm 2000).

Viện nghiên cứu Hán Nôm đã sưu tầm được hàng trăm ngàn đơn vị từ liệu Hán Nôm, trong đó có nhiều tài liệu quý hiếm như sách chữ Nôm Tày – Nùng, sách chữ Thái cổ và văn khắc thời Lý – Trần... Đặc biệt là Viện đã đưa được 9.299 chữ Nôm của Việt Nam vào bảng mã chuẩn quốc tế IRG/ISO, trong đó có khoảng 4.200 chữ không trùng hình với chữ của các nước khác. Viện đã xuất bản 120 đầu sách Hán Nôm.

Viện Ngôn ngữ học từ những năm 60 đến nay, sau 30 đợt tiến hành điều tra, đã xây dựng được một ngân hàng dữ liệu về ngôn ngữ của hầu hết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (gần 100 ngôn ngữ và phương ngữ).

Viện Khảo cổ tiếp tục tiến hành khai quật các khu di tích lịch sử lớn như Đền Hùng, cố đô Hoa Lư, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, đặc biệt trong năm 2003, đã phát hiện ra các dấu tích kiến trúc của Hoàng thành Thăng Long hiện đang làm nức lòng nhân dân cả nước.

Bảo tàng Dân tộc học có những đóng góp nổi bật trong lĩnh vực bảo tàng ở Việt Nam hiện nay, đã thành công trong việc đổi mới và đa dạng hoá các hoạt động bảo tàng, được đánh giá cao ở trong và ngoài nước.

Một số công trình của các tác giả thuộc Trung tâm xuất bản vào thập niên 90 cũng đã được tặng *Giải thưởng Hồ Chí Minh* như *Từ kí hiệu học đến thi pháp học, Bàn về văn học viết về “thân phận con người”* của Hồ Tôn Trinh, *Theo dấu các văn hoá cổ* của Hà Văn Tấn, *Tìm kiếm phương Đông – gợi những điểm nhìn tham chiếu* của Cao Xuân Huy, *Tìm cội nguồn*

ngôn ngữ và ý thức của Trần Đức Thảo, v.v... Đồng thời, còn có hàng loạt công trình được tặng *Giải thưởng Nhà nước* của các tác giả Chăm Trọng, Đặng Nghiêm Vạn, Hà Minh Đức, Hoa Bằng, Hoàng Tuệ, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Lương Bích, Phan Ngọc, Văn Tạo và Văn Tân.

Từ năm 1986 đến nay, các Viện thuộc khối ngành khoa học xã hội của Trung tâm đã góp phần làm rõ những luận cứ của đường lối đổi mới và phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Vào giữa những năm 80, đất nước ta đã rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng, lạm phát năm 1986 lên tới mức 774,7%. Năm 1988, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã thành lập tổ nghiên cứu chống lạm phát gồm một số cán bộ của Viện Kinh tế thế giới và Viện Kinh tế học do Võ Đại Ngọc làm tổ trưởng. Đồng chí Đỗ Mười – lúc đó là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng – đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho tổ. Trong số hơn 40 đề án chống lạm phát được đệ trình lúc bấy giờ, đề án của Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã được đồng chí Đỗ Mười chọn là một trong một đề án làm cơ sở để xây dựng *Chương trình chống lạm phát của Chính phủ*. Kết quả là lạm phát đã bị đẩy lùi từ 774,7% năm 1986 xuống còn 67,1% năm 1991 và 12,7% năm 1995. Điều đó chứng tỏ các giải pháp do đề án nêu ra là đúng.

Một số cán bộ chủ chốt của các Viện Triết học, Kinh tế học, Xã hội học, Kinh tế thế giới... cũng đã được huy động tham gia vào các tổ biên tập *Chương lĩnh, chiến lược*, chuẩn bị các Văn kiện của Đại hội VII, VIII, IX và của nhiều Hội nghị Ban chấp hành Trung ương. Thông qua đó,

Trung tâm có dịp đóng góp trực tiếp vào quá trình dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng và Hội nghị Ban Chấp hành Trung - ơng các khoá.

Từ sau Đại hội VII đến nay, Trung tâm KHXH&NVQG đã đ- ợc giao chủ trì một số Ch- ơng trình và đề tài độc lập cấp Nhà n- ớc nghiên cứu về thời đại, về CNTB hiện đại, về CNXH và con đ- ờng đi lên CNXH, về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị tr- ờng định h- ớng XHCN của n- ớc ta.

Những công trình đã hoàn thành và một số tác phẩm *Những vấn đề lí luận về chủ nghĩa xã hội và con đ- ờng đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (Nguyễn Duy Quý chủ biên); *Chủ nghĩa xã hội: Từ lí luận đến thực tiễn – Những bài học kinh nghiệm chủ yếu* (Lê Hữu Tầng chủ biên), *Tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ t- bản chủ nghĩa* (Đ- ơng Phú Hiệp chủ biên), *Một số vấn đề về triết học – con ng- ời – xã hội* của Nguyễn Trọng Chuẩn; và *Những xu h- ớng phát triển của thế giới và sự lựa chọn mô hình công nghiệp hoá của n- ớc ta* của Võ Đại L- ợc... đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đ- ờng lối, chính sách phát triển kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà n- ớc trong quá trình đi lên CNXH vì mục tiêu dân giàu, n- ớc mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để đẩy nhanh tốc độ tăng tr- ờng kinh tế, phải đẩy mạnh CNH, HĐH, Viện Kinh tế học và tập thể tác giả tham gia ch- ơng trình KHXH 02 *Ph- ơng h- ớng, mục tiêu, tiến trình và những giải pháp nhằm CNH, HĐH đất n- ớc* đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa phát triển nền

kinh tế thị tr- ờng định h- ớng XHCN với vấn đề đẩy mạnh CNH, HĐH, coi việc tạo lập và phát triển đồng bộ thể chế kinh tế thị tr- ờng định h- ớng XHCN là khâu đột phá để đẩy mạnh CNH, HĐH ở Việt Nam; b- ớc đầu luận giải cơ sở khoa học của mô hình CNH, HĐH rút ngắn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh động do con ng- ời Việt Nam tạo ra và đ- ợc thực hiện trong môi tr- ờng hội nhập, dựa vào phát huy tối đa nội lực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế d- ối tác động của toàn cầu hoá kinh tế. Đáng chú ý là *Báo cáo phát triển con ng- ời Việt Nam năm 2001* do Viện Kinh tế học chủ trì thực hiện phối hợp với một số Viện thuộc Trung tâm và các Bộ, ngành có liên quan đã đ- ợc đánh giá cao và đ- ợc UNDP trao giải th- ờng về tác động chính sách trên cơ sở lựa chọn từ hơn 100 Báo cáo quốc gia về phát triển con ng- ời.

Viện Nghiên cứu Nhà n- ớc và Pháp luật đã tập trung vào việc nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn về xây dựng Nhà n- ớc pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân; về hệ thống chính trị và dân chủ cơ sở; về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lí thuận lợi cho việc tạo lập và phát triển đồng bộ thể chế kinh tế thị tr- ờng định h- ớng XHCN và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Những công trình của Viện trong đó có cuốn *Các cơ sở khoa học của việc đổi mới hệ thống chính trị ở n- ớc ta, Nhà n- ớc và pháp luật của n- ớc ta trong sự nghiệp đổi mới* (Đào Trí Úc chủ biên) đã cung cấp nhiều cơ sở lí luận và thực tiễn cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng Nhà n- ớc pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân ở n- ớc ta.

Cán bộ của các Viện thuộc khối KHXH còn đạt đ- ợc nhiều kết quả nghiên cứu về các vấn đề bức xúc hiện nay nh- về động lực của sự phát triển kinh tế – xã hội; về cơ cấu và phân tầng xã hội trong điều kiện kinh tế thị tr- ờng; về tiến bộ và công bằng xã hội; về triết lí phát triển; về phát triển văn hoá, con ng- ời và nguồn nhân lực; về môi tr- ờng; về tâm lí nông dân hiện nay; về tôn giáo ở Việt Nam; về ảnh h- ớng của các hệ t- t- ờng và tôn giáo đối với con ng- ời Việt Nam hiện nay; về cách tiếp cận và phân tích giới đối với thực trạng bình đẳng giới và chính sách đối với phụ nữ, về lợi thế so sánh giới trong xoá đói giảm nghèo, v.v... Từ các kết quả nghiên cứu, các tác giả đã có những khuyến nghị với Đảng và Nhà n- ớc về quan điểm, cơ chế và chính sách phát triển KT-XH bền vững.

Nghiên cứu những vấn đề quốc tế và khu vực cũng là một lĩnh vực quan trọng trong hoạt động của Trung tâm trong suốt thời gian qua. Tuy vậy, phải đến khi Viện Nghiên cứu Đông Nam Á và Viện Kinh tế thế giới ra đời, việc nghiên cứu n- ớc ngoài mới thực sự có điều kiện đẩy mạnh ở Trung tâm. Thấy rõ tầm quan trọng của việc nghiên cứu các vấn đề quốc tế, từ năm 1993, Thủ t- ớng Chính phủ đã cho phép thành lập một loạt Trung tâm nghiên cứu quốc tế, mở đầu cho một giai đoạn nghiên cứu toàn diện về khu vực và thế giới tại Trung tâm KHXH&NVQG.

Các Viện Kinh tế thế giới, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản, Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc, Trung tâm nghiên cứu Châu Âu, Trung tâm nghiên cứu Bắc Mỹ đã tập trung nghiên cứu về cục diện thế giới và trật tự quốc tế mới kể từ sau chiến tranh lạnh kết thúc, sự điều chỉnh chiến

l- ợc, chính sách của các nhóm n- ớc và khu vực, nhất là nhóm các n- ớc phát triển nh- Mỹ, Nhật, EU và các n- ớc lớn khác nh- Trung Quốc, Nga, Ấn Độ...; b- ớc đầu luận giải bản chất, đặc tr- ợng và tác động của toàn cầu hoá, khu vực hoá và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, b- ớc chuyển sang kinh tế trí thức; đánh giá tác động, thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức cũng nh- các vấn đề đặt ra từ các định chế của khu vực và toàn cầu, hình thành luận cứ cho việc hoạch định đ- ờng lối phát triển đất n- ớc theo định h- ớng XHCN, các đối sách về kinh tế – xã hội, quốc phòng và an ninh của ta, thực hiện đa ph- ơng hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

Các Viện và Trung tâm nghiên cứu quốc tế còn đẩy mạnh việc nghiên cứu những vấn đề lịch sử, tôn giáo, văn hoá, văn học, ngôn ngữ... của nhiều n- ớc theo h- ớng tiếp cận *Đất n- ớc học* nhằm cung cấp những hiểu biết cần thiết về đất n- ớc, con ng- ời, xã hội của các quốc gia láng giềng cho đồng đảo bạn đọc có quan tâm, tạo tiền đề cho quá trình giao l- u, hội nhập của Việt Nam với khu vực và thế giới.

Những năm qua, Trung tâm KHXH&NVQG đã tổ chức thành công nhiều hội thảo quốc tế lớn mà tiêu biểu là Hội thảo quốc tế *Kỉ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi*; Hội thảo quốc tế *Kỉ niệm 100 năm sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá lớn*; Hội thảo quốc tế *Việt Nam học* (lần thứ nhất); Hội thảo quốc tế *Việt Nam trong thế kỉ XX*. Những cuộc hội thảo này đã hội tụ đ- ợc những nhà khoa học và hoạt động chính trị nổi tiếng khắp năm châu, đ- ợc d- luận trong n- ớc và quốc tế đánh giá cao.

Đồng thời với việc tập trung vào hoạt động nghiên cứu khoa học, trong thời gian vừa qua, Trung tâm KHXHNVQG đặc biệt chú trọng công tác đào tạo sau đại học nhằm xây dựng nguồn nhân lực khoa học có chất lượng cao cho Trung tâm và góp phần phát triển tiềm lực KHXH của cả nước. Ở lĩnh vực hoạt động quan trọng này, Trung tâm cũng đạt được những thành tựu rất đáng tự hào. Cho đến nay, Trung tâm đã đào tạo được 1.080 tiến sĩ, thạc sĩ thuộc 23 chuyên ngành đào tạo.

Trung tâm hiện có điều kiện tốt về cơ sở vật chất kỹ thuật cùng hệ thống thông tin - liệu th - viện, hội đủ các chuyên ngành trong mã số đào tạo sau đại học thuộc lĩnh vực KHXH&NV do Nhà nước quy định để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo này. Đội ngũ cán bộ khoa học của Trung tâm có trình độ nghiên cứu cơ bản cao, có kinh nghiệm thực tiễn, hiện đang tham gia giảng dạy ở nhiều trường đại học trong nước - một tiềm năng, một lợi thế hiện có để phát huy vì những trở ngại của cơ chế hiện hành.

Kính thưa các vị khách quý

Thưa các đồng chí và các bạn

Những thành tựu của Trung tâm trong những năm qua đã được các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đánh giá cao khi đến thăm và làm việc tại Trung tâm: "*Trung tâm đã cố gắng từng bước khắc phục sự chậm trễ, đưa khoa học xã hội và nhân văn dần dần bắt kịp những vấn đề của thời đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới*"⁽²⁾, "*Nhiều sản phẩm khoa*

học xã hội và nhân văn có chất lượng đã ra đời, đặc biệt phải kể đến sự đóng góp của Trung tâm trong việc góp phần bổ sung, lí giải và làm rõ thêm những quan điểm của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta"⁽³⁾. "*Nhiều kết luận của khoa học xã hội và nhân văn đã được dùng làm cơ sở để soạn thảo các Nghị quyết, hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào thành công của công cuộc đổi mới*"⁽⁴⁾.

Trong những năm tới, nhiệm vụ của Trung tâm KHXH&NVQG rất nặng nề, trong đó đặc biệt là phải:

1. Tổ chức nghiên cứu những vấn đề cơ bản và cấp bách của khoa học xã hội Việt Nam, khu vực và quốc tế; tổng kết thực tiễn, góp phần từng bước phát triển lí luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; giải đáp những vấn đề khoa học xã hội của cả nước và từng vùng phục vụ cho sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế - xã hội, văn hoá, môi trường và con người Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển trong quá trình tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

². *Phát biểu của đồng chí Đỗ M - ời*, Tổng Bí thư - BCH Trung - ương Đảng, trong buổi đến thăm và làm việc với Trung tâm KHXH&NVQG năm 1996. Xem báo Nhân dân ngày 2 tháng 3 năm 1996.

³. *Phát biểu của đồng chí Lê Khả Phiêu*, Tổng Bí thư - BCH Trung - ương Đảng, trong buổi đến thăm và làm việc với Trung tâm KHXH&NVQG năm 1998. Xem báo Nhân dân ngày 18 tháng 2 năm 1996.

⁴. *Phát biểu của đồng chí Nông Đức Mạnh*, Tổng Bí thư - BCH Trung - ương Đảng, trong buổi đến thăm và làm việc với Trung tâm KHXH&NVQG năm 2002. Xem báo Nhân dân ngày 29 tháng 4 năm 2002.

2. Tổ chức s- u tâm, nghiên cứu, khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hoá, tinh thần của các dân tộc Việt Nam, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Tổ chức điều tra cơ bản về kinh tế - văn hoá - xã hội trên những địa bàn trọng điểm của đất n- óc; tiến hành phân tích dự báo về kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của đất n- óc.

4. Kết hợp nghiên cứu với đào tạo trong lĩnh vực khoa học xã hội. Thực hiện đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ về khoa học xã hội tại Trung tâm; tham gia phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao theo yêu cầu của cả n- óc, ngành, vùng, địa ph- ơng và doanh nghiệp.

Những nhiệm vụ trên sẽ đ- ợc cụ thể hoá thành những ch- ơng trình, đề tài, dự án trọng điểm 5 năm và hàng năm mà Đảng và Nhà n- óc giao cho Trung tâm. Trung tâm KHXH&NVQG có trách nhiệm phải hoàn thành với chất l- ợng cao nhất, góp phần thiết thực vào sự nghiệp tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến l- ợc: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Kính th- a các vị khách quý

Th- a các đồng chí và các bạn

Cùng với những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam, Trung tâm KHXH&NVQG đã không ngừng tr- ờng thành và trong từng thời kì đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất n- óc. Trung tâm đã đ- ợc Nhà n- óc tặng th- ờng *Huân ch- ơng*

Hồ Chí Minh, Huân ch- ơng độc lập hạng III và Viện Sử học thuộc Trung tâm đ- ợc tuyên d- ơng là *Đơn vị anh hùng* và GS Trần Văn Giàu, GS Vũ Khiêu đ- ợc tuyên d- ơng là các *Anh hùng thời kì đổi mới*. Chủ tịch n- óc đã tặng *Giải th- ờng Hồ Chí Minh* và *Giải th- ờng Nhà n- óc* cho các công trình và cụm công trình của 26 nhà khoa học thuộc Trung tâm. Ngoài ra, nhiều cán bộ của Trung tâm cũng đã đ- ợc tặng các phần th- ờng khác. Riêng 2003, đã có 12 Giáo s- , Phó Giáo s- , nhà nghiên cứu đ- ợc nhận *Huân ch- ơng lao động* hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba.

Có đ- ợc sự tr- ờng thành, các kết quả nghiên cứu và những phần th- ờng cao quý đó chính là nhờ có sự quan tâm của Đảng và Nhà n- óc, của các ngành và địa ph- ơng, đồng thời là nhờ sự nỗ lực v- ợt qua mọi khó khăn, thử thách của đông đảo đội ngũ cán bộ viên chức thuộc nhiều thế hệ của Trung tâm trong 50 năm qua.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt đ- ợc, trong hoạt động khoa học của Trung tâm cũng còn có nhiều mặt yếu kém. Các kết quả nghiên cứu vẫn ch- a theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của đất n- óc. Nhiều vấn đề lí luận và thực tiễn cơ bản của công cuộc đổi mới và phát triển theo định h- ớng XHCN ch- a đ- ợc làm sáng tỏ. Ch- a có nhiều công trình có giá trị cao về lí luận và thực tiễn. Đội ngũ cán bộ đầu ngành và đội ngũ chuyên gia còn thiếu. Hệ thống thông tin-t- liệu - th- viện chậm đ- ợc hiện đại hoá. Ph- ơng pháp nghiên cứu chậm đ- ợc đổi mới...

Trong dịp kỉ niệm 50 năm thành lập Trung tâm, chúng ta vui mừng với những

thành tựu đã đạt được, nhận biết mặt yếu kém để khắc phục, đồng thời cùng nhau hướng về phía trước, nâng cao trách nhiệm để hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề mà Đảng và Nhà nước tin cậy giao phó.

Nhân dịp này, xin cho phép tôi được thay mặt cán bộ, viên chức của Trung tâm KHXH&NVQG bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ, tới các Bộ, Ngành và địa phương trong 50 năm qua đã quan tâm đặc biệt vào tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Trung tâm; tới các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học cả ở trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế đã nhiệt tình cộng tác, hỗ trợ về mọi mặt; tới tập thể và cá nhân cán bộ viên chức đã và đang làm việc tại Trung tâm đã cống hiến tất cả trí tuệ và công sức của mình cho sự phát triển của KHXH&NV Việt Nam.

Tại lễ kỷ niệm long trọng này, thay mặt cho cán bộ, viên chức hiện đang làm việc tại Trung tâm, xin được bày tỏ lòng trân trọng và tri ân các đồng chí: Cố GS. Trần Huy Liệu, Cố GS. VS Nguyễn Khánh Toàn, Cố GS. Đào Văn Tập, GS. Phạm Ngọc Thạch, GS. Đặng Xuân Kỳ, GS. VS Nguyễn Duy Quý, GS. Trần Phương, Cố

GS. Phạm Huy Thông, GS. Vũ Khiêu, GS. Phạm Xuân Nam và GS. Lê Hữu Tấn về những công lao to lớn của các vị đã cống hiến cho sự phát triển của Trung tâm KHXH&NVQG với tư cách là lãnh đạo tiên nhiệm.

Trong ngày hội lớn hôm nay, chúng ta vô cùng xúc động, bồi ngùi tưởng nhớ đến các nhà khoa học đã khuất, đến các cán bộ của Trung tâm đã hi sinh trên các chiến trường trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Thưa toàn thể cán bộ, công chức của Trung tâm KHXH&NVQG

Tư tưởng của chúng ta là những nhiệm vụ hết sức nặng nề mà Đảng và Nhà nước tin cậy giao phó. Đáp lại sự tin cậy ấy, với tinh thần trách nhiệm cao và bằng sự nỗ lực của mình, tập thể cán bộ, công chức của Trung tâm KHXH&NVQG xin hứa sẽ hoàn thành với chất lượng khoa học cao nhất, xứng đáng là cơ quan nghiên cứu đầu ngành về KHXH&NVQG ở nước ta.

Chỉ còn vài ngày nữa chúng ta sẽ bước sang năm 2004. Xin gửi lời kính chúc sức khỏe, hạnh phúc và sự thành đạt tới các vị khách quý, các đồng chí, các bạn và gia đình nhân dịp năm mới.

Xin trân trọng cảm ơn!